

Bản án số: 411/2025/HS-PT
Ngày: 09/10/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 248/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y bị xét xử sơ thẩm về tội “Chứa mại dâm”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm 128/2025/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

* Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Trần Quang A, sinh ngày 07/11/1983 tại Hải Phòng; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Số D Đà Nẵng, phường G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Số D Đà Nẵng, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng); nơi sinh sống: Số A Đ, phường L, thành phố Hải Phòng (trước đây là Số A Đ, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng O và bà Trần Thị N; có vợ là Mai Thị Y (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2008; con nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền sự, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 20/7/2024, tạm giam ngày 24/7/2024, đến ngày 27/3/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Mai Thị Y, sinh ngày 05/10/1984 tại Hải Phòng; giới tính: Nữ; nơi đăng ký thường trú: Số D Đà Nẵng, phường G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Số D Đà Nẵng, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng); nơi sinh sống: Số A Đ,

phường L, thành phố Hải Phòng (trước đây là Số A Đ, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim O1; có chồng là Vũ Trần Quang A (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 20/7/2024, tạm giam ngày 24/7/2024, đến ngày 17/10/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

* Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo gồm: Bị cáo Đỗ Văn T1 bị kết án về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Đoàn Quang Đ bị kết án về các tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, “Chứa mại dâm”; các bị cáo Hoàng Gia D, Trịnh Văn T2, Đỗ Đức A1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T3 bị kết án về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Mào Văn T4, Phàn A B, Nguyễn Quang V bị kết án về tội “Chứa mại dâm”; các bị cáo Lê Thị T5, Trương Đình Đ1 bị kết án về tội “Môi giới mại dâm”, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đều không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 19/07/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phối hợp với các cơ quan chức năng, kiểm tra quán K, địa chỉ: Khu B, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm kiểm tra có mặt Đoàn Quang Đ là quản lý của quán. Quá trình kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện tại phòng VIP của quán, có Đỗ Văn T1 cùng 38 đối tượng khác đang nghe nhạc có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy; ngoài ra, phát hiện tại phòng nghỉ tầng 02 của quán có 01 đôi nam nữ đang mua bán dâm là Nguyễn Tất Hoàng S (khách mua dâm) và Hoàng Thị Y1 (gái bán dâm). Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đoàn Quang Đ và Đỗ Văn T1.

Mở rộng điều tra vụ án và tiến hành khám xét khẩn cấp quán K cùng nơi ở của Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y, thu giữ nhiều sổ sách, giấy tờ, tài liệu liên quan đến hoạt động của quán Thu T6 và các vật chứng liên quan khác. Cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi chứa mại dâm của Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y cùng đồng phạm, cụ thể như sau:

Về mô hình tổ chức, hoạt động của quán: Quán Thu T6 bắt đầu hoạt động từ khoảng giữa năm 2022, đăng ký kinh doanh cho thuê phòng hát Karaoke và dịch vụ lưu trú, người đứng tên giấy phép kinh doanh là Đoàn Quang Đ (quản lý quán). Quán có 07 cổ đông góp vốn gồm Vũ Trần Quang A, Trần Đức T7, sinh

năm 1989, trú tại: Số D N, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; Ngô Đức A2, sinh năm 1995, trú tại: Tổ G, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Tiến T8, sinh năm 1987, trú tại: Số H G N, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; Vũ Xuân T0, sinh năm 1982, trú tại: Số A L, quận N, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thành T1, sinh năm 1990, trú tại: Số H H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Đức H1, sinh năm 1974, trú tại: Phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, người trực tiếp theo dõi, chỉ đạo mọi hoạt động tại quán chỉ có Vũ Trần Quang A. Quán Thu T6 ngoài kinh doanh cho khách hát Karaoke và khách thuê phòng lưu trú, còn cho khách thuê phòng để mua dâm. Tại quán không có sẵn nhân viên nữ bán dâm, khi có khách đến đặt vấn đề mua dâm, quán sẽ liên hệ với các nhà nghỉ, đầu mối quen để cung cấp gái bán dâm hoặc nhân viên chủ động đi tìm gái bán dâm ở quanh khu vực gần khách sạn Bộ xây dựng, khu B, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng chở về quán để khách lựa chọn. Sau khi thoả thuận xong, quán Thu T6 cung cấp phòng nghỉ để hai bên thực hiện việc mua bán dâm. Khách mua dâm xong sẽ ra thanh toán tiền cho quản lý, số tiền thu được của khách thì quản lý quán sẽ trả cho nhân viên nữ bán dâm là 200.000 đồng/01 lượt khách, trả cho lái xe taxi chở khách đến quán số tiền tương ứng 100.000 đồng/01 khách. Trường hợp khách tự đi đến đặt vấn đề mua dâm, quán chỉ trả cho nhân viên nữ bán dâm số tiền 200.000 đồng/01 lượt khách mua dâm, số tiền còn lại là của quán. Trung bình quán thu được 100.000 đồng/01 lượt khách mua dâm. Đối với các nhà nghỉ, đầu mối cung cấp gái bán dâm là các nhà nghỉ, đầu mối quen của quán hoạt động ở khu vực quận Đ, thành phố Hải Phòng, thường được gọi tắt và ký hiệu bằng 3 chữ số (ví dụ: nhà nghỉ T1 có mã số 915...). Sau mỗi lượt bán dâm cho khách tại quán K, quản lý ghi vào sổ mã số của nơi cung cấp gái bán dâm để theo dõi, tính toán số tiền thu lợi. Để phục vụ việc hoạt động quán, Quang A đã thuê các nhân viên sau:

- Mai Thị Y (vợ của Vũ Trần Quang A) có nhiệm vụ quản lý sổ sách, chứng từ, thu chi liên quan đến hoạt động của quán và tính toán, trả tiền cổ tức cho các cổ đông, tiền công là 8.000.000 đồng/01 tháng.

- Đoàn Quang Đ vào làm tại quán từ tháng 04/2022, có nhiệm vụ quản lý hoạt động thường ngày của quán, điều hành các nhân viên khác, tổng hợp thu chi của quán theo ngày chuyển cho Mai Thị Y. Toàn bộ tiền khách đến quán hát Karaoke hoặc mua dâm trả cho quán đều được Đ thống kê, ghi chép vào sổ sách và gửi cho Y để kiểm tra. Sau đó, Đ giữ lại một phần tiền để chi trả tiền công cho nhân viên và tiền công của Đ, số tiền còn lại Đ chuyển cho Y. Đ được trả tiền công là 15.000.000 đồng/01 tháng; ngoài ra, Đ còn được Quang A nhờ đứng tên giấy phép kinh doanh của quán.

- Phan A B vào làm tại quán từ đầu năm 2023; Nguyễn Quang V vào làm tại quán khoảng 10 ngày trước khi bị bắt; Mào Văn T4 làm tại quán từ tháng 4/2024, đến khoảng đầu tháng 6/2024 xin nghỉ về quê có việc riêng, đến đầu tháng

7/2024, T4 quay lại quán làm việc. Tại quán, B, V, T4 ngoài nhiệm vụ dọn dẹp phục vụ phòng hát Karaoke, phòng lưu trú thì khi có khách đến đặt vấn đề mua dâm, các bị can thực hiện việc liên hệ, đón nhân viên nữ đến bán dâm; sắp xếp, dọn dẹp phòng bán dâm. Tiền công của mỗi bị can là 7.000.000 đồng/01 tháng, tuy nhiên V chưa được trả công.

- Hoàng Hải L, sinh năm 1978, trú tại: Tổ dân phố số A, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng vào làm tại quán từ khoảng cuối năm 2023, có nhiệm vụ dọn dẹp phòng hát và sắp xếp nhân viên nữ vào các phòng hát karaoke, tiền công 6.000.000 đồng/01 tháng.

Tại thời điểm từ tối ngày 18/7/2024 đến rạng sáng ngày 19/7/2024, quán Thu T6 vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, các nhân viên có mặt tại quán gồm Đ, V, B, T4. Tại quán đã diễn ra nhiều lần việc cung cấp phòng nghỉ cho hoạt động mua bán dâm, trong đó xác định được 02 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tối ngày 18/7/2024, Nguyễn Tất Hoàng S do có nhu cầu mua dâm, nên đến quán Thu T6 đặt vấn đề tìm gái bán dâm, Nguyễn Quang V đã điều khiển xe mô tô (hiện chưa rõ BKS) đi tìm gái bán dâm ở khu vực gần khách sạn Bộ Xây dựng, tại đây V đón được Hoàng Thị Y1 (gái bán dâm thuộc quản lý của nhà nghỉ T1, địa chỉ: Khu B, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng) về quán để bán dâm cho S tại phòng nghỉ tại tầng 2 của quán. Sau khi mua dâm xong, S trả cho Đại số tiền 400.000 đồng, Đ trả cho Y1 200.000 đồng, trả cho lái xe taxi (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) 100.000 đồng và giữ lại quán 100.000 đồng. Yên rời nhà nghỉ T2 một lúc thì được nhân viên nhà nghỉ A3, khu B, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng đón đi bán dâm, tuy nhiên không được khách ở đây chọn.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, Nguyễn Tất Hoàng S quay lại quán K, yêu cầu nhân viên là Phan A B gọi lại Hoàng Thị Y1 để S mua dâm. Bổng đã bảo Nguyễn Quang V và Mào Văn T4 đi đón Y1 về phục vụ khách. V, T4 điều khiển 02 xe mô tô đi quanh khu vực khách sạn Bộ X để tìm Y1, thì gặp Trương Đình Đ1 là nhân viên nhà nghỉ T1. V bảo Đ1 cho Y1 đến nhà nghỉ T2 bán dâm cho khách. Do trước đó, Y1 có nhắn tin lên nhóm Zalo chung của nhà nghỉ T1 báo được nhân viên nhà nghỉ A3 đón, nên Đ1 bảo V, Thực ra khu vực nhà nghỉ A3, khu B, V, quận Đ, thành phố Hải Phòng tìm Y1. Sau đó V về quán trước, T4 một mình đến khu vực nhà nghỉ A3 tìm và đón Y1 về quán K bán dâm. Khi Y1 đang bán dâm cho S tại phòng nghỉ trên tầng 2 quán K, thì bị cơ quan công an kiểm tra phát hiện như nội dung nêu trên.

Căn cứ sổ sách, tài liệu thu giữ xác định từ khoảng tháng 4/2024 đến ngày 19/7/2024, tại quán Thu T6 đã diễn ra tổng cộng 1.994 lần chứa mại dâm, qua đó thu về số tiền 199.400.000 đồng. Cụ thể:

Đối với các tháng 04, 05, 06/2024, quán K được số tiền 159.800.000 từ việc kinh doanh chứa mại dâm, số tiền này đã được trả cho các nhân viên quán gồm Y 12.000.000 đồng, Đ 21.000.000 đồng, T4 6.000.000 đồng, bóng 9.000.000 đồng; trả các khoản chi phí điện nước, vệ sinh, mua chăn ga... ở các phòng nghỉ phục vụ việc mua bán dâm là 15.000.000 đồng/01 tháng x 03 tháng = 45.000.000 đồng; trả cho các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần đóng góp gồm Trần Đức T7, Ngô Đức A2, Nguyễn Tiến T8 25% = 16.700.000 đồng, Vũ Xuân T0 25% = 16.700.000 đồng, Nguyễn Thành T1 20% = 13.360.000 đồng, Nguyễn Đức H1 10% = 6.680.000 đồng, Vũ Trần Quang A 20% = 13.360.000 đồng.

Từ đầu tháng 7/2024 đến ngày 19/7/2024, các bị cáo đã 396 lần thực hiện hành vi chứa mại dâm, thu về số tiền 39.600.000 đồng, số tiền này được Đ trích ra khoảng 4.700.000 đồng để chi trả trước cho việc mua đồ ăn uống cho nhân viên, mua nước cho khách... Số tiền 34.900.000 đồng còn lại, Đ chuyển cho Y, Y đã thanh toán một số chi phí như tiền điện nước, giặt chăn ga... tại các phòng nghỉ chứa mại dâm hết 12.000.000 đồng, còn lại 22.900.000 đồng do chưa hết tháng, nên Y chưa sử dụng để trả công cho nhân viên và trả cho các cổ đông.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y, Đoàn Quang Đ, Mào Văn T4, Phan A B, Nguyễn Quang V, Nguyễn Tất Hoàng S, Hoàng Thị Y1 khai nhận phù hợp như nội dung nêu trên. Quang A khai việc kinh doanh, cung cấp phòng nghỉ phục vụ việc mua bán dâm trên Quang A không cho các cổ đông biết. Y khai khi thực hiện việc thanh toán tiền cho các cổ đông, Y chỉ thông báo lợi nhuận kinh doanh chung của quán, chia tiền gửi đến các cổ đông theo phần trăm đóng góp của từng người.

Nhân viên quán là Hoàng Hải L khai nhận: Nhiệm vụ của L tại quán là dọn dẹp phòng hát, sắp xếp nhân viên nữ vào các phòng hát Karaoke. L không biết việc có khách sử dụng ma túy tại phòng VIP đêm ngày 18/7/2024 – rạng sáng ngày 19/7/2024. Quá trình làm việc tại quán, L không tham gia vào việc đón, dẫn khách đến mua dâm, đón nhân viên nữ đến bán dâm.

Các cổ đông của quán gồm Trần Đức T7, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Tiến T8 khai nhận việc kinh doanh của quán Thu T6 giao toàn bộ cho Quang A; T7, Thành T1 và Tiến T8 không biết việc tại quán có xảy ra việc kinh doanh, cung cấp phòng nghỉ phục vụ việc mua bán dâm. Đối với các cổ đông Vũ Xuân T0, Ngô Đức A2, Nguyễn Đức H1, xác minh tại địa phương, T0, Đức A2, H1 vắng mặt tại nơi cư trú.

Lời khai của Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y, Đoàn Quang Đ, Mào Văn T4, Phan A B, Nguyễn Quang V phù hợp với lời khai của khách mua dâm Nguyễn Tất Hoàng S, gái bán dâm Hoàng Thị Y1, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với các lần chứa mại dâm khác của nhóm các bị cáo trên trước tháng 4/2024, do các bị cáo không khai nhận được các lần cụ thể, Cơ quan điều tra không thu thập được sổ sách, tài liệu ghi chép chi tiết nên không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Đối với Trần Đức T7, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Tiến T8 là các cổ đông của quán K, tài liệu điều tra thể hiện T7, Thành T1, Tiến T8 không biết việc Quang A và Y kinh doanh chứa mại dâm nhằm thu lợi bất chính tại quán, nên Cơ quan điều tra không lập hồ sơ xử lý đối với T7, Thành T1, Tiến T8. Đối với Vũ Xuân T0, Ngô Đức A2, Nguyễn Đức H1 vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, ghi lời khai làm rõ sau.

Đối với Hoàng Hải L, tài liệu điều tra thể hiện, L không tham gia vào việc kinh doanh chứa mại dâm của quán karaoke Thu T6, nên Cơ quan điều tra không lập hồ sơ xử lý đối với L.

Đối với Nguyễn Tất Hoàng S là khách mua dâm và Hoàng Thị Y1 là gái bán dâm, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt hành chính đối với S về hành vi Mua dâm và đối với Y1 về hành vi Bán dâm.

Ngoài ra, trong vụ án còn xác định hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Văn T1, Đoàn Quang Đ, Hoàng Gia D, Trịnh Văn T2, Đỗ Đức A1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T3, Mào Văn T4, Phan A B, Nguyễn Quang V, Lê Thị T5, Trương Đình Đ1 về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, “Chứa mại dâm” và “Môi giới mại dâm”, do các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không đề cập cụ thể.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2025/HS-ST ngày 26/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 (áp dụng thêm khoản 5 Điều 327); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Vũ Trần Quang A 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 20/7/2024 đến ngày 27/3/2025). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Xử phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Vũ Trần Quang A 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo Mai Thị Y 05 (Năm) năm tù, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 20/7/2024 đến ngày 17/10/2024). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Văn T1, Đoàn Quang Đ, Hoàng Gia D, Trịnh Văn T2, Đỗ Đức A1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T3, Mào Văn T4, Phàn A B, Nguyễn Quang V, Lê Thị T5, Trương Đình Đ1; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/7/2025, bị cáo Vũ Trần Quang A kháng cáo giảm hình phạt, bị cáo Mai Thị Y kháng cáo giảm hình phạt và cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Vũ Trần Quang A giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo Mai Thị Y thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Chứa mại dâm” như đã tuyên là đúng, không oan. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; gia đình các bị cáo có công với cách mạng và hiện hoàn cảnh rất khó khăn, các bị cáo là vợ chồng bị xét xử trong cùng vụ án, bố mẹ hai bên gia đình đều già yếu, cần người chăm sóc, bản thân bị cáo Mai Thị Y mới phải phẫu thuật vì bị viêm ruột thừa, phải nuôi 04 con nhỏ (trong đó có 1 con riêng của chồng); trong thời gian tại ngoại, các bị cáo cùng với gia đình tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương. Do đó, bị cáo Vũ Trần Quang A đề nghị giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Mai Thị Y đề nghị giảm nhẹ hình phạt và bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y đều đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của bị cáo, lời khai của các bị cáo khác, kết quả thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quy kết các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, các tình tiết mới mà các bị cáo xuất trình tại phiên tòa, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Vũ Trần Quang A từ 06 tháng đến 09 tháng tù, Mai Thị Y từ 01 năm đến 02 năm tù.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y đều đã thừa nhận hành vi phạm tội như quy kết của Tòa án cấp sơ thẩm; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác đã bị xét xử trong cùng vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định: Từ khoảng giữa năm 2022 đến ngày 19/7/2024, Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y đã nhiều lần thực hiện hành vi chứa mại dâm tại quán K thu lợi bất chính. Bị cáo Vũ Trần Quang A thu lợi bất chính số tiền 13.360.000 đồng, bị cáo Mai Thị Y thu lợi bất chính số tiền 12.000.000 đồng. Ngoài ra, Mai Thị Y còn đang giữ số tiền 22.900.000 đồng thu lợi bất chính chưa sử dụng để trả công cho nhân viên và trả cho các cổ đông. Trong các lần chứa mại dâm trên, xác định được 02 lần cụ thể vào tối ngày 18/7/2024 và rạng sáng ngày 19/7/2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

[3] Ngoài ra, hành vi của các bị cáo Mào Văn T4, Phan A B, Nguyễn Quang V trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử về tội: “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự và phạt Mào Văn T4 05 năm tù, Phan A B 05 năm tù, Nguyễn Quang V 05 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Văn T1, Đoàn Quang Đ, Hoàng Gia D, Trịnh Văn T2, Đỗ Đức A1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng T3, Lê Thị T5, Trương Đình Đ1; do các bị cáo này không có kháng cáo, kháng nghị, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tính chất hành vi, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, làm tăng nguy cơ lây truyền bệnh xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự, mục đích để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Vũ Trần Quang A là chủ quán Thu T6, đồng thời là người khởi xướng, thuê nhân viên phục vụ việc chứa mại dâm; bị cáo Mai Thị Y cùng các bị cáo khác là người giúp sức cho bị cáo Quang A thực hiện hoạt động chứa mại dâm tại quán, có vai trò thấp hơn bị cáo Quang A. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự đánh giá, phân hóa, xem xét tính chất, vị trí, vai trò mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án đồng phạm rất chi tiết, cụ thể, đã xác định vị trí, vai trò đối với các bị cáo như trên là có căn cứ.

[6] Về hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[6.1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình tình tiết mới cụ thể: Bị cáo Vũ Trần Quang A có thời gian công tác trong ngành pháp luật, có nhiều thành tích xuất sắc được tặng nhiều danh hiệu cao quý gồm Huy hiệu Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất và hạng Ba; Bằng khen, Chiến sĩ thi đua vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua vì An ninh tổ quốc các năm 2015-2016; nhiều Giấy khen vào các năm 2016, 2017, 2023; từ năm 2010 đến năm 2014, bị cáo được phân công công tác tại đảo B là khu xa đất liền, điều kiện sinh hoạt và làm việc đặc biệt khó khăn, thiếu thốn, bị cáo luôn chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ được phân công, thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức công hiến; gia đình bị cáo có công với Nhà nước, có bác ruột là liệt sỹ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bị cáo Mai Thị Y có việc làm không ổn định; hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi 04 con, trong đó có con sinh ngày 29/5/2012 bị bệnh rối loạn hành vi cần phải có người hỗ trợ, giám sát hàng ngày, bản thân bị cáo vừa phải phẫu thuật vì bị viêm ruột thừa cấp. Ngoài ra, gia đình các bị cáo có công với Nhà nước, ông, bà ngoại, bố, mẹ đẻ bị cáo được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cùng nhiều danh hiệu cao quý khác; quá trình tại ngoại, các bị cáo và gia đình tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương như ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid-19, hiến máu nhân đạo, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; các bị cáo đều đã nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung, tiền truy thu, thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và còn nộp thay cho bị cáo Nguyễn Quang V án phí hình sự sơ thẩm, nộp thay cho các bị cáo Phan A B, Mào Văn T4, Đoàn Quang Đ tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm. Đây là những tình tiết mới, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo Vũ Trần Quang A theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự và áp dụng cho bị cáo Mai Thị Y theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là vợ chồng bị xét xử trong cùng vụ án, đã nhận thức được hành vi vi phạm, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, xem xét, đánh giá tính chất hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh thực tế của các bị cáo, chính sách khoan hồng của pháp luật và các tình tiết mới tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y; tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội nhiều lần, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, thực tế là nhiều đối tượng đã bị xử lý liên quan đến ma túy tại nhà nghỉ nơi vợ chồng bị cáo quản lý; vì vậy, đối với bị cáo Mai Thị Y không đủ điều kiện để xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Các quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Trần Quang A; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Mai Thị Y; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2025/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y phạm tội “Chứa mại dâm”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Trần Quang A 05 (Năm) năm tù, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 20/7/2024 đến ngày 27/3/2025). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ

ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Xử phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Vũ Trần Quang A 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Thị Y 03 (Ba) năm tù, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 20/7/2024 đến ngày 17/10/2024). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Vũ Trần Quang A, Mai Thị Y không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Ghi nhận các bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm, cụ thể:

+ Bị cáo Vũ Trần Quang A nộp tiền phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm, tổng 10.200.000 đồng (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001543 ngày 24/7/2025; nộp tiền thu lợi bất chính 13.360.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001544 ngày 24/7/2025. Các biên lai thu tiền đều của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

+ Bị cáo Mai Thị Y nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, thu lợi bất chính, tổng 35.100.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001545 ngày 24/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện CT & KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng (03 bản);
- THADS TP Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HC-TP TPTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực